TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 05 */2019/* HNGĐ Ngày: 15 / 01 */2020* V/v " Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn*"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Ngọt; Ông Hoàng Văn Lược
- *Thư ký phiên toà*: Bà Lại Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn: Bà Nguyễn Thị Ái Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng *01* năm *2020,* tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *77/2019* /TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp " *Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26 /QĐXX-HNGĐ ngày 16 / 12 /2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Phạm Minh T sinh năm 1988**
Địa chỉ: Số nhà 62 đường Đ , khu phố 2, phường N , thị xã B , tỉnh T (có mặt)
2.*Bị đơn:* Chị **Bùi Thị Ánh Hồng** sinh năm 1992
Nơi ĐKNKTT : Số nhà 62 đường Đ , khu phố 2, phường N , thị xã B , tỉnh T
Tạm trú tại: Thôn N 1, xã N , huyện N , tỉnh T (vắng mặt)
3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: **Quỹ tín dụng ND có sở N**
Người đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Minh H** -chủ tịch HĐQT (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 / 03/2019, đơn khởi kiện bổ xung ngày 17/6/2019, bản tự khai ngày 19/7/2019; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày: Anh và chị Bùi Thị Ánh H kết hôn với nhau vào năm 2013, ngày 08/08/2017 Tòa án nhân dân thị xã B đã ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H . Trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, anh và chị H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, sau này do không thống nhất được việc phân chia tài sản và phân chia công nợ nên anh T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết. Tài sản chung của vợ chồng anh gồm : 01

căn nhà mái bằng diện tích 105 $m^{2,}$, xây dựng vào năm 2016. Một số đồ đạc trong gia đình như bàn ghế, ti vi; 01 bộ kệ ti vi. Về đất ở là do bố đẻ của anh T cho riêng anh T (có làm hợp đồng cho tặng riêng cho anh T), đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên anh Phạm Minh T . Sau khi được cho đất, vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà mái bằng, nguồn tiền xây dựng nhà chủ yếu do vợ chồng vay của Quỹ tín dụng N với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và vay thêm một số tiền bên ngoài. Số tiền vay quỹ tín dụng anh và chị H chưa trả được đồng gốc nào . Đến nay anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và phân chia trách nhiệm trả nợ của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 7 năm 2019, bị đơn chị Bùi Thị Ánh H khai nhận: Năm 2017, chị và anh Phạm Minh T ly hôn. Phần tài sản chung hai người tự thỏa thuận phân chia sau đó hai người không thống nhất được nên anh T đề nghị Tòa án chia tài sản chung và phân chia trách nhiệm trả nợ.

Tài sản chung của vợ chồng là 01 nhà mái bằng xây dựng trên đất của bố chồng là ông Phạm Văn M cho chồng chị . Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chồng chị là Phạm Minh T . Diện tích đất rộng (5 m; dài 20 m); căn nhà chị và anh T xây dựng nguồn tiền chủ yếu là vay quỹ tín dụng N và hai bên gia đình. Đến nay hai người còn một khoản nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) đang vay quỹ tín dụng N . Tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 73 tờ bản đồ số 93 diện tích 105,3 m^2 (bản đồ địa chính phường N , thị xã B , được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên anh Phạm Minh T). Trong số tiền 300.000.000đ vay thì chị H và anh T có cho ông Bùi Đình H và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của chị H vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đông). Chị đề nghị Tòa án giải quyết, nếu anh T ở nhà thì có trách nhiệm trả nợ cho quỹ tín dụng và trích một phần nào đó cho mẹ con.

Tại bản tự khai ngày 17 /7 /2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân N (gọi là quỹ tín dụng) người đại diện theo pháp luật ông Lê Minh H khai nhận: Vào ngày 16/11/2017 anh Phạm Minh T và chị Bùi Thị Ánh H có vay của quỹ số số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), mục đích vay làm nhà ở với mức lãi suất 11,64 % / năm. Tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa số 93 bản đồ địa chính phường N , thị xã B có diện tích 80m^2 (bên thế chấp là anh Phạm Minh T và chị Bùi Thị Ánh H , theo hợp đồng thế chấp ngày 15/11/2017), hạn cuối cùng trả nợ là ngày 16/11/2019. Quá trình sử dụng vốn vay anh T và chị H chưa trả được nợ gốc và lãi. Tính đến ngày Tòa án xét xử 15/01/2020 anh T và chị H còn nợ quỹ tín dụng số tiền gốc là: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi quá hạn là 26.192.000đ; lãi trong hạn là: 11.720.000 đ. Tổng tiền lãi là: 37.912.000đ . Tổng cả gốc và lãi là: 337.912.000đ (*Ba trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng*). Anh T và chị H làm hợp đồng ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2017 ủy quyền cho quỹ tín dụng nhân dân cơ sở N được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 73 tờ bản đồ số 93 tại khu phố 2,

phường N , thị xã B , được đại diện và nhân danh anh T và chị H thực hiện các quyền và nghĩa vụ tài chính nộp các khoản phí và lệ phí có liên quan đến các công việc được ủy quyền. Quỹ tín dụng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T và chị H phải trả số nợ trên , nếu không trả được thì quỹ tín dụng có quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ cho quỹ. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, chị H vắng mặt tại phiên tòa. Đây là lần thứ hai chị H vắng mặt nên căn cứ khoản 2 điều 227 của BLTTDS hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đã tuân theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Minh T và chấp nhận yêu cầu của quỹ tín dụng N về việc chia tài sản chung của chị H anh T là căn nhà mái bằng xây dựng trên đất (anh T được tặng cho riêng), anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho quỹ tín dụng N số tiền gốc là 300.000.000đ và lãi suất phát sinh tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử trích một phần công sức cho chị H trong việc duy trì khối tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc anh Phạm Minh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung và phân chia công nợ sau khi anh T và chị H ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 của BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

[2] Về nội dung : Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án căn nhà mái bằng của vợ chồng có diện tích 78,2 m^2 (rộng 4,6 m; dài 17 m), được anh T và chị H xây dựng trên diện tích đất 105,3 m^2 (đất anh T được bố là ông Phạm Văn M tặng cho riêng theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/03/2016 tại văn phòng công chứng B), diện tích đất được cấp cho anh Phạm Minh T. Theo kết quả định giá tài sản ngày 22 tháng 11 năm 2019 thì giá trị phần xây dựng trên đất là: **270.806.600đ**; giá trị đất là: **210.600.000đ**. Tổng giá trị cả nhà và đất là: **481.406.600đ** (Bốn trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm linh sáu ngàn, sáu trăm đồng). Căn cứ vào điều 43 Luật Hôn nhân gia đình thì xác định diện tích đất là tài sản riêng của anh Phạm Minh T (được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân). Anh T chưa có văn bản về việc thỏa thuận nhập vào tài sản chung của vợ chồng.

Tài sản chung của vợ chồng được xác định là tài sản gắn liền với đất của số nhà 62 đường Đ khu phố 2, phường N , thị xã B , tỉnh T theo kết quả định giá có giá trị là: **270.806.600đ.**

Đối với số nợ của quỹ tín dụng N là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc theo hợp đồng cho vay ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa bên cho vay: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Ngọc Sơn và bên đi vay là anh Phạm Minh T, người thừa kế chị Bùi Thị Ánh H . Quá trình giải quyết chị H và anh T thừa nhận số tiền vay này vợ chồng sử dụng vào việc làm nhà. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 318/17/HĐTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 bên thế chấp anh Phạm Minh T , chị Bùi Thị Ánh H, bên nhận thế chấp quỹ tín dụng nhân dân N . Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CB 725371 do UBND thị xã B cấp ngày 24/03/2016, nguồn gốc do nhận tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng có diện tích 80m^2 tại số nhà 62 đường Đặng Quang, khu phố 2, phường N , thị xã B .

Đối với số nợ chung đến nay anh T và chị H không trả được nên phải căn cứ hợp đồng thế chấp bất động sản buộc anh T và chị H thực hiện theo hợp đồng thế chấp. Xét thủ tục làm hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp bất động sản của quỹ tín dụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Có biên bản định giá tài sản thế chấp, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng tài nguyên môi trường thị xã B ngày 15/11/2017 nên các thủ tục đã bảo đảm theo quy định của pháp luật. Vì vậy buộc anh T, chị H phải thực hiện.

Tài sản chung của vợ chồng là căn nhà mái bằng diện tích 80m^2 tại số nhà 62 đường Đ , khu phố 2, phường N , thị xã B trị giá 270.806.600đ ít hơn số nợ chung nên phải tính cả phần đất là tài sản riêng của anh T . Anh T đề nghị anh sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ và không yêu cầu chị H phải đưa lại cho anh khoản tiền nào để trả nợ nên giao toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại số nhà 62 đường Đ , khu phố 2, phường N , thị xã B cho anh Phạm Minh T quyền sở hữu để anh T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho quỹ tín dụng N. Số tiền gốc là: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng)tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/01/2020) thì số tiền lãi quá hạn là 26.192.000đ; lãi trong hạn là: 11.720.000 đ. Tổng tiền lãi là: 37.912.000đ . Tổng cả gốc và lãi là: 337.912.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng). Việc anh T và chị H khai trình sau khi vay có cho ông bà ngoại vay 80 triệu, quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị T mẹ đẻ của chị H không thừa nhận, anh T không có chứng cư gì về việc cho bà T vay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết anh T không yêu cầu chị H phải trả nợ bất kỳ khoản nào khác nên không xét.

Về yêu cầu của chị Bùi Thị Ánh H đề nghị nếu giao nhà cho anh T thì anh T có trách nhiệm trả nợ cho quỹ tín dụng và trích một phần cho chị. Xét thấy, hiện nay tài sản chung của anh T và chị H đã được thế chấp đến nay hai người không trả

được nợ. Phần tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình chung sống chị H cũng có công sức duy trì bảo quản đối với tài sản trong gia đình, nên buộc anh T phải trích một phần công sức cho chị H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) về công sức đóng góp của chị H.

[3].Về án phí: Anh T được giao toàn bộ phần tài sản chung của vợ chồng là phần tài sản gắn liền với đất tại số nhà 62 đường Đ, khu phố 2, phường N, thị xã B , tỉnh T và chịu trách nhiệm trả toàn bội số nợ Quỹ tín dụng N anh Phạm Minh T phải nộp tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền được trích phần công sức đóng góp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- áp dụng: khoản 1 điều 28; khoản 2 điều 147 BLTTDS; điều 29; khoản 1 điều 37; khoản 3 điều 38; khoản 1 điều 43, Điều 37;38;59;60 Luật Hôn nhân gia đình.Điều 91;94;;95 và 118 Luật các tổ chức tín dụng.

2.Tuyên xử:

1.-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T về việc phân chia tài sản chung và trách nhiệm trả nợ của vợ chồng sau khi ly hôn.

-Giao cho anh Phạm Minh T được quyền sở hữu quyền sử dụng đất và toàn bộ phần tài sản gắn liền với đất tại số nhà 62 đường Đ, khu phố 2, phường N, thị xã B, tỉnh T nhưng anh Phạm Minh T phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số nợ gốc: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/01/2020 là: (lãi quá hạn 26.192.000đ; lãi trong hạn là: 11.720.000 đ). Tổng tiền lãi là: 37.912.000đ . Tổng cả gốc và lãi là: 337.912.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng). theo hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2017 của quỹ tín dụng Ngọc Sơn. Anh Phạm Minh T vẫn phải có trách nhiệm trả số tiền lãi theo hợp đồng vay ngày 16/11/2017 cho đến khi anh T thanh toán xong toàn bộ số nợ cho quỹ tín dụng N.

Nếu anh Phạm Minh T không trả (hoặc trả không đầy đủ) cho quỹ tín dụng N thì Quỹ tín dụng N thì thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 318/17/HĐTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa bên thế chấp là Quỹ tín dụng Ngọc Sơn và anh Phạm Minh T , chị Bùi Thị Ánh H. Quỹ tín dụng có quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 73 tờ bản đồ số 93(khu phố 2, phường N , thị xã B , tỉnh T) diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thị xã B cấp ngày 24/06/2016.

- Buộc anh Phạm Minh T phải trích cho chị Bùi Thị Ánh H số tiền **20.000.000đ** (*Hai mươi triệu đồng*) về công sức đóng góp của chị trong việc duy trì bảo quản tài sản trong thời gian chung sống. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không thanh toán cho chị H (hoặc thanh toán không đầy đủ)

số tiền trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS.

3.Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 147 BLTTDS điểm a,b khoản 7; điểm e khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm b mục 1.3 phần án phí Dân sự danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 của UBTVQH buộc anh Phạm Minh T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm là: **16.895.000đ** (mười sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền anh Phạm Minh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0000925 ngày 04 tháng 07 năm 2019 của chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn, số tiền án phí anh Phạm Minh T phải tiếp tục nộp là: 6.895.000đ.

-Chị Bùi Thị Ánh H phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 1.000.000đ (một triệu đồng)

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự anh Phạm Minh T, đại diện quỹ tín dụng N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Ánh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG